

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DOANH NGHIỆP

Phan Văn Đàn¹

ABSTRACT

This article constructed the theoretical model on the sustainable development of enterprises. The research used CFA (Confirmatory Factor Analysis), SEM (Structural Equation Modeling) and the survey samples with 220 enterprises that are operating in Bac Lieu province to build the scale. The testing results showed that there is the suitability of the theoretical model with market information compared with the competitive model. The sustainable economy impacts in the same direction on the sustainable environment and the sustainable environment impacts in the same direction on the sustainable society. From the results the research model was accepted and the science of the sustainable development of enterprises stressed the ability to develop enterprises continuously, in long term and does not cause harmful consequences which are difficult to recover in the different fields of the socioeconomy.

Keywords: Sustainable development of enterprises; Sustainable economy; sustainable environment; Sustainable society

Title: The sustainable development model of the enterprises

TÓM TẮT

Bài viết này xây dựng mô hình lý thuyết phát triển bền vững doanh nghiệp từ những thành phần có mối tương tác như Kinh tế bền vững - Môi trường bền vững - Xã hội bền vững. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khẳng định (CFA), phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) và mẫu khảo sát với 220 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Kết quả kiểm định cho thấy sự phù hợp mô hình lý thuyết với thông tin thị trường so với mô hình cạnh tranh. Kinh tế bền vững tác động cùng chiều vào môi trường bền vững và môi trường bền vững tác động cùng chiều vào xã hội bền vững. Từ kết quả mô hình nghiên cứu được chấp nhận và cũng như tính khoa học phát triển bền vững doanh nghiệp nhấn mạnh đến khả năng phát triển doanh nghiệp mang tính liên tục, lâu dài, không gây ra những hậu quả tác hại khó khôi phục ở những lĩnh vực khác nhau của kinh tế xã hội.

Từ khóa: Phát triển bền vững doanh nghiệp; Kinh tế bền vững, môi trường bền vững, xã hội bền vững

1 GIỚI THIỆU

Xây dựng thang đo lường phát triển bền vững doanh nghiệp đã được tác giả kiểm định sơ bộ và dựa vào ba bộ tiêu chí đã có trên thị trường nhằm góp phần đánh giá một cách toàn diện hơn khía cạnh phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Kết quả kiểm định bổ sung thang đo an sinh xã hội có Cronbach alpha và hệ số tương quan biến - tổng đều đạt yêu cầu.

An sinh xã hội: Tham gia trao học bổng sinh viên nghèo hiếu học; Tham gia đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa; Tham gia đóng góp chương trình gây quỹ từ thiện; Tham gia đóng góp chương trình xóa đói giảm nghèo; Tham gia đóng góp các hoạt động xã hội tại địa phương.

¹ Sở Tài chính tỉnh Bạc Liêu

Chính sách phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam rất chú trọng đến công tác an sinh xã hội, nhưng nguồn vốn ngân sách nhà nước còn giới hạn. Do đó, các doanh nghiệp ngoài hiệu quả kinh doanh cũng có phần trách nhiệm chung vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất và cùng nhà nước để chăm lo cho xã hội, chính góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cả xã hội. Nên nghiên cứu cần phải bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với thị trường đang phát triển như Việt Nam và được tác giả thực hiện nghiên cứu kiểm định thang đo chính thức.

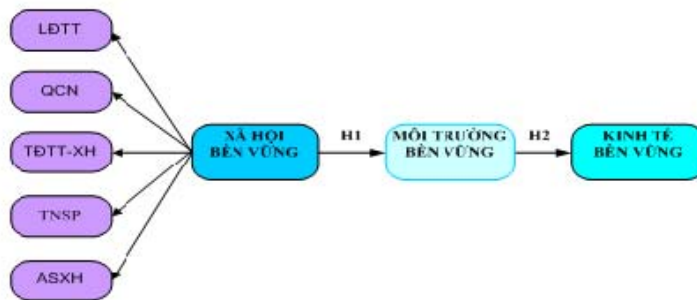
2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1 Mô hình nghiên cứu lý thuyết

Thang đo phát triển bền vững doanh nghiệp được tác giả đã xây dựng kiểm định khám phá sự phù hợp với điều kiện tình hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, điều này sẽ làm cơ sở cho việc thực hiện nghiên cứu tiếp. Mô hình lý thuyết được xây dựng trên nền tảng lý thuyết mô hình cấu trúc SEM, phát triển bền vững doanh nghiệp không phải là nguyên nhân trực tiếp giải thích cho xã hội bền vững, môi trường bền vững và kinh tế bền vững mà thông qua ba yếu tố xã hội bền vững tác động cùng chiều tác động vào môi trường bền vững và môi trường bền vững tác động vào kinh tế bền vững. Nghĩa là mô hình lý thuyết nghiên cứu xã hội bền vững thông qua nhân tố trung gian môi trường bền vững để tác động vào kinh tế bền vững; Từ vấn đề này đặt ra giả thuyết như sau:

H1: Có mối quan hệ cùng chiều giữa xã hội bền vững với môi trường bền vững.

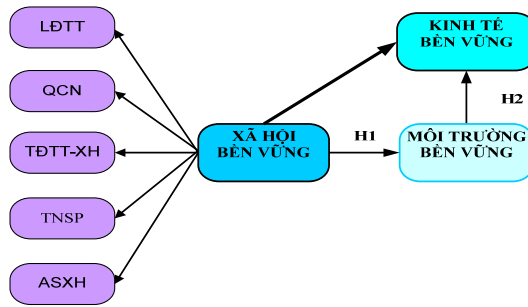
H2: Có mối quan hệ cùng chiều giữa môi trường bền vững với kinh tế bền vững.



Mô hình 1: Mô hình lý thuyết phát triển bền vững doanh nghiệp

2.2 Mô hình cạnh tranh

Mô hình cạnh tranh đóng vai trò quan trọng trong xây dựng lý thuyết nghiên cứu khoa học xã hội. Mô hình lý thuyết nghiên cứu xã hội bền vững thông qua nhân tố trung gian môi trường bền vững để tác động vào kinh tế bền vững. Ngoài ra tác giả nghiên cứu thêm mối quan hệ mới vào mô hình như xã hội bền vững cũng tác động cùng chiều vào kinh tế bền vững, khi nào các chỉ số phù hợp tốt thì dữ liệu ủng hộ mô hình được đề nghị cạnh tranh, nhưng chúng không có nghĩa thì mô hình lý thuyết là chính xác hay mô hình khả thi về mặt lý thuyết. Như vậy mô hình cạnh tranh được đưa vào nhằm so sánh với mô hình lý thuyết để chứng minh rằng mô hình lý thuyết đã chọn là phù hợp.



Mô hình 2 : Mô hình cạnh tranh

3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở nghiên cứu khám phá thang đo phát triển bền vững doanh nghiệp, nghiên cứu này nhằm kiểm định lại độ tin cậy của thang đo và mô hình lý thuyết về các yếu tố tác động đến phát triển bền vững doanh nghiệp như kiểm định mức độ ý nghĩa các thành phần nhân tố kinh bền vững, kinh tế bền vững, xã hội bền vững bằng phương pháp phân tích nhân tố khẳng định CFA (Confirmatory Factor Analysis) nhằm hiệu chỉnh lại một số biến quan sát thang đo cuối cùng để sử dụng cho nghiên cứu chính thức. Như vậy, kết quả mô hình thuyết đo lường các nhân tố khẳng định CFA làm cơ sở tiếp theo để phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM (Structural Equation Modeling).

Phương nghiên cứu điều tra xác định đối tượng cần nghiên cứu các loại hình doanh nghiệp (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân,...) được đăng ký kinh doanh và đang hoạt động trên thị trường tỉnh Bạc Liêu. Việc xác định cần bao nhiêu doanh nghiệp trả lời bằng câu hỏi và cần bao nhiêu doanh nghiệp cho mẫu đại diện loại hình doanh nghiệp. Trong thực tế có nhiều cách thiết kế mẫu và chọn mẫu đại diện, trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp thuận tiện với mức độ phù hợp vừa mang tính tiết kiệm vừa thể hiện được tính đại diện.

Phương pháp lấy mẫu thuận tiện và mô hình đo lường gồm 41 biến quan sát, theo Hair *et al.* (1998), kích thước mẫu cần thiết là $n = 205 (41 \times 5)$. Để đạt được kích thước mẫu đề ra tác giả phát hành tăng lên 246 bảng câu hỏi điều tra trực tiếp được gửi đi phỏng vấn, kết quả thu được 220 mẫu hợp lệ và hoàn tất được sử dụng nghiên cứu chính thức và kỹ thuật phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS 16.0 kết hợp với phần mềm AMOS 7.

4 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1 Đánh giá thang đo chính thức bằng phân tích nhân tố khám phá EFA

Phân tích nhân tố khám phá EFA sẽ giúp chúng ta rút gọn mô hình và khám phá mới để từ cơ sở đó kiểm định lại mô hình bằng phương pháp CFA.

Bảng 1: Kết quả tổng hợp thành phần phương sai trích

Thành phần	Phương sai trích
Thang đo chính thức kinh tế bền vững	73,928%
Thang đo chính thức môi trường bền vững	62,505%
Thang đo chính thức xã hội bền vững	68,565%

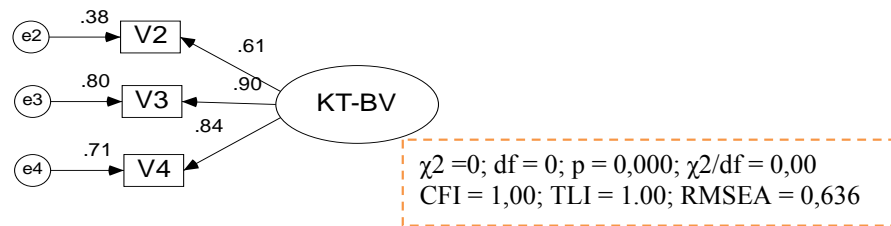
- Từ kết quả thang đo chính thức kinh tế bền vững cho thấy phương sai trích một nhân tố bằng 73,928% đạt yêu cầu, nhân tố kinh tế bền vững (KT-BV) nhóm được 3 biến quan sát: V2, V3, V4.
- Từ kết quả thang đo chính thức môi trường bền vững cho thấy phương sai trích một nhân tố bằng 62,505% đạt yêu cầu, nhân tố môi trường bền vững (MT-BV) nhóm được 8 biến quan sát: V7, V8, V9, V10, V11, V12, V13, V14.
- Từ kết quả thang đo chính thức xã hội bền vững cho thấy phương sai trích năm nhân tố bằng 68,565% đạt yêu cầu và các trọng số nhân tố của biến quan sát đều cũng đạt yêu cầu từ, 508 trở lên và chỉ có một biến quan sát không đạt yêu cầu đó là V18 (V18. Đảm bảo hệ thống sinh hoạt riêng biệt đạt chuẩn) loại do đo lường hai nhân tố cùng một lúc. Bốn nhân tố xã hội bền vững trích được và ký hiệu nhân tố QCN, TĐXH, TNSP, ASXH đó là:
 - (1) QCN. Quyền con người (lao động thực tiễn) nhóm được 8 biến quan sát: V15, V16, V17, V20, V21, V22, V23, V24.
 - (2) TĐXH. Tác động trực tiếp xã hội nhóm được 8 biến quan sát: V19, V26, V27, V28, V29, V30, V31, V32.
 - (3) TNSP. Trách nhiệm sản phẩm nhóm được 4 biến quan sát: V33, V34, V35, V36.
 - (4) ASXH. An sinh xã hội nhóm được 5 biến quan sát: V37, V38, V39, V40, V41.

Như vậy, lý thuyết ban đầu đặt ra khái niệm đa hướng có năm thành phần nhân tố, nhưng sau khi phân tích nhân tố khám phá khám phá EFA của thang đo chính thức xã hội bền vững chỉ nhóm được bốn thành phần nhân tố. Trong đó, khái niệm quyền con người và khái niệm lao động trực tiếp chỉ là một khái niệm chung chứ không phải là hai khái niệm thành phần độc lập với nhau. Do đó, tiếp tục chuyển sang kiểm định thang đo chính thức nhân tố khẳng định CFA.

4.2 Kiểm định thang đo chính thức bằng phân tích nhân tố khẳng định CFA

4.2.1 Thang đo chính thức kinh tế bền vững bằng phân tích nhân tố khẳng định CFA

Kết quả phân tích nhân tố khẳng định CFA của mô hình thang đo kinh tế bền vững được trình bày trong hình 1.

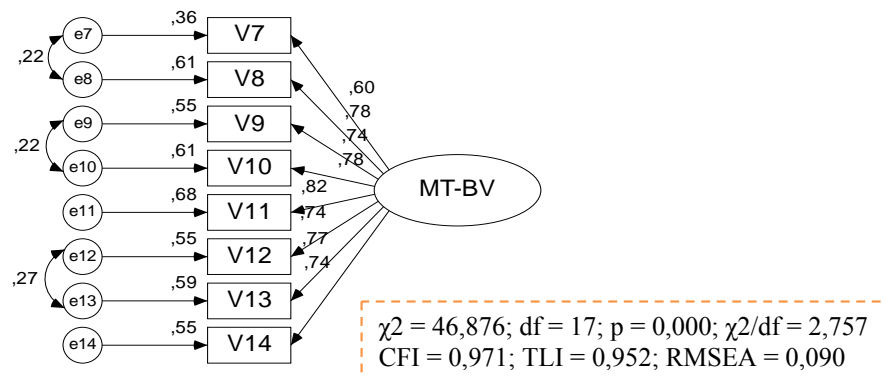


Hình 1: Hình CFA của thang đo kinh tế bền vững (chuẩn hóa)

Vì vậy, chúng ta có thể kết luận rằng các biến quan sát dùng để đo lường kinh tế bền vững đạt được tính đơn hướng (Thang đo đạt được tính đơn hướng khi không có sai số các biến quan sát tương quan với nhau).

4.2.2 Thang đo chính thức môi trường bền vững bằng phân tích nhân tố khẳng định CFA

Kết quả phân tích nhân tố khẳng định CFA của mô hình thang đo môi trường bền vững được trình bày trong hình 2.



Hình 2: Mô hình CFA của thang đo môi trường bền vững (chuẩn hóa)

Vì vậy, chúng ta có thể kết luận rằng các biến quan sát dùng để đo lường khái niệm môi trường bền vững đạt được giá trị hồi tụ.

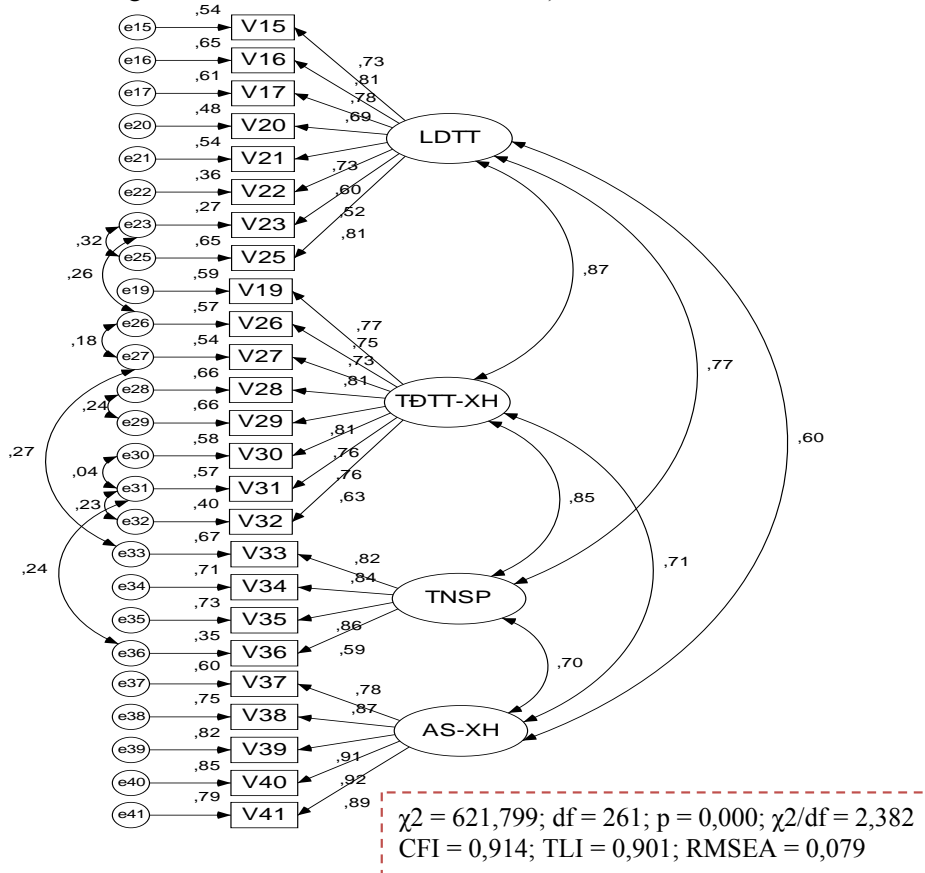
4.2.3 Thang đo chính thức tổng hợp thành phần xã hội bền vững bằng phân tích nhân tố khẳng định CFA

Kết quả phân tích nhân tố khẳng định CFA của mô hình thang đo xã hội bền vững được trình bày trong hình 3. Mức độ xã hội bền vững được đo lường với thang đo ban đầu có năm thành phần, với 26 biến quan sát.

Bảng 2: Kết quả kiểm định giá trị phân biệt giữa các thành phần thang đo chính thức của xã hội bền vững

Mối quan hệ	Estimate (giá trị ước lượng)	S.E. (sai lệch chuẩn)	C.R. (giá trị tới hạn)	Giá trị P
LDTT <--> TĐTT-XH	0,597	0,086	6,908	0,000
TĐTT-XH <--> TNSP	0,349	0,058	5,977	0,000
TNSP <--> AS-XH	0,481	0,076	6,328	0,000
LDTT <--> TNSP	0,455	0,072	6,314	0,000
TĐTT-XH <--> AS-XH	0,568	0,085	6,671	0,000
LDTT <--> AS-XH	0,689	0,103	6,703	0,000

Vì vậy, chúng ta có thể kết luận rằng các biến quan sát dùng để đo lường bốn thành phần của thang đo xã hội bền vững đạt giá trị hồi tụ (Thang đo đạt giá trị hồi tụ nếu các trọng số chuẩn hóa đều cao, có $\lambda_i > 0,50$).



Hình 3: Mô hình CFA của thang đo các thành phần xã hội bền vững (chuẩn hóa)

Kết luận: Nghiên cứu này dùng để kiểm định thang đo và hai mô hình nghiên cứu. Thang đo được đánh giá sơ bộ thông qua phương pháp độ tin cậy Cronbach alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA, đồng thời mô hình thang đo được kiểm định lại giá trị và độ tin cậy thông qua phương pháp phân tích nhân tố khẳng định CFA.

Như vậy, kết quả kiểm định thang đo chính thức – phát triển bền vững doanh nghiệp đã nhóm được ba thành phần:

- (1) Kinh tế bền vững, gồm ba biến quan sát (V2, V3, V4).
- (2) Môi trường bền vững, gồm tám biến quan sát (V7, V8, V9, V10, V11, V12, V13, V14).
- (3) Xã hội bền vững, nhóm lại bốn nhân tố chính và 25 biến quan sát;

Gồm thành phần nhân tố 1) Lao động thực tiễn (quyền con người): tám biến quan sát; 2) Tác động trực tiếp xã hội: tám biến quan sát; 3) Trách nhiệm sản phẩm: bốn biến quan sát; 4) An sinh xã hội: năm biến quan sát.

4.3 Kiểm định mô hình lý thuyết chính thức

Mô hình chính thức là mô hình lý thuyết phát triển bền vững doanh nghiệp sau khi đã được hiệu chỉnh còn lại những khái niệm được đưa vào phân tích cấu trúc tuyến tính SEM như hình 4. Kết quả phân tích mô hình phát triển bền vững doanh nghiệp được đo lường thông qua ba thành phần khái niệm xã hội bền vững, môi trường bền vững và xã hội bền vững đều đạt giá trị quan hệ nhân quả giữa các khái niệm trong mô hình phát triển bền vững doanh nghiệp đã được chuẩn hóa (Bảng 2)

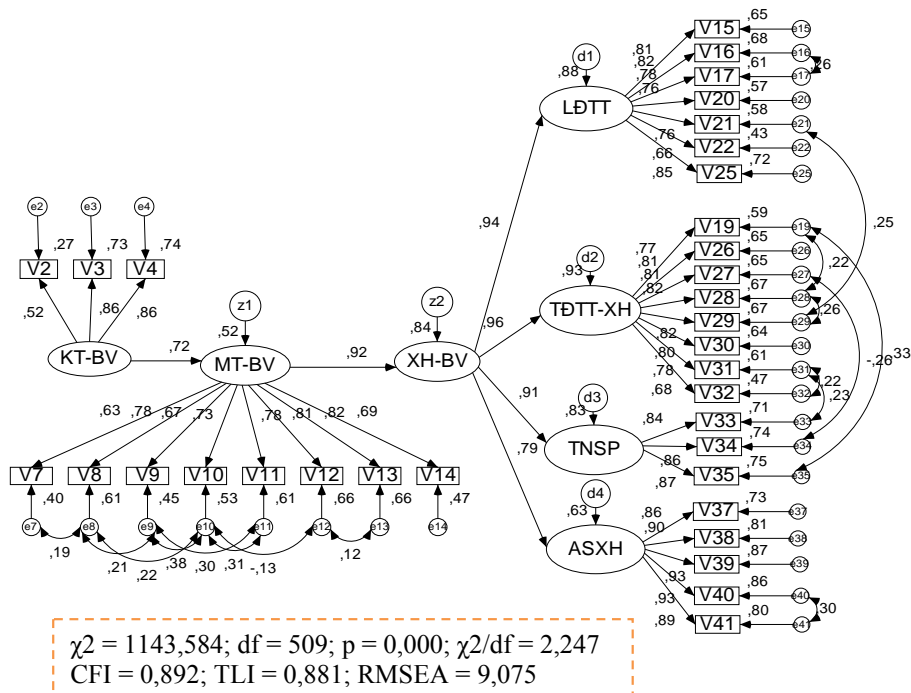
Bảng 3: Kết quả kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa các khái niệm trong mô hình phát triển bền vững doanh nghiệp (chuẩn hóa)

	Mối quan hệ	Estimate (giá trị ước lượng)
MT-BV	<--- KT-BV	0,722
XH-BV	<--- MT-BV	0,918
TĐTT-XH	<--- XH-BV	0,962
LĐTT	<--- XH-BV	0,936
TNSP	<--- XH-BV	0,912
ASXH	<--- XH-BV	0,792

Qua kết quả kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa các khái niệm trong mô hình phát triển bền vững doanh nghiệp (chuẩn hóa). Các trọng số được chuẩn hóa đều dương như: Kinh tế bền vững; Môi trường bền vững; Xã hội bền vững đều ảnh hưởng cùng chiều đến Lao động thực tiễn, tác động trực tiếp xã hội, trách nhiệm sản phẩm, an sinh xã hội. Trong đó, xã hội bền vững tác động mạnh nhất đến tác động trực tiếp xã hội với giá trị tuyệt đối của trọng số chuẩn hóa là 0,962 lớn nhất trong 5 trọng số (0,722; 0,918; 0,936; 0,912; 0,792). Tuy nhiên, các trọng số có giá trị rất cao và đều này cho thấy sự tác động rất mạnh cùng chiều Kinh tế bền vững; Môi trường bền vững; Xã hội bền vững.

Bảng 4: So sánh mức độ phù hợp mô hình trước và sau hiệu chỉnh

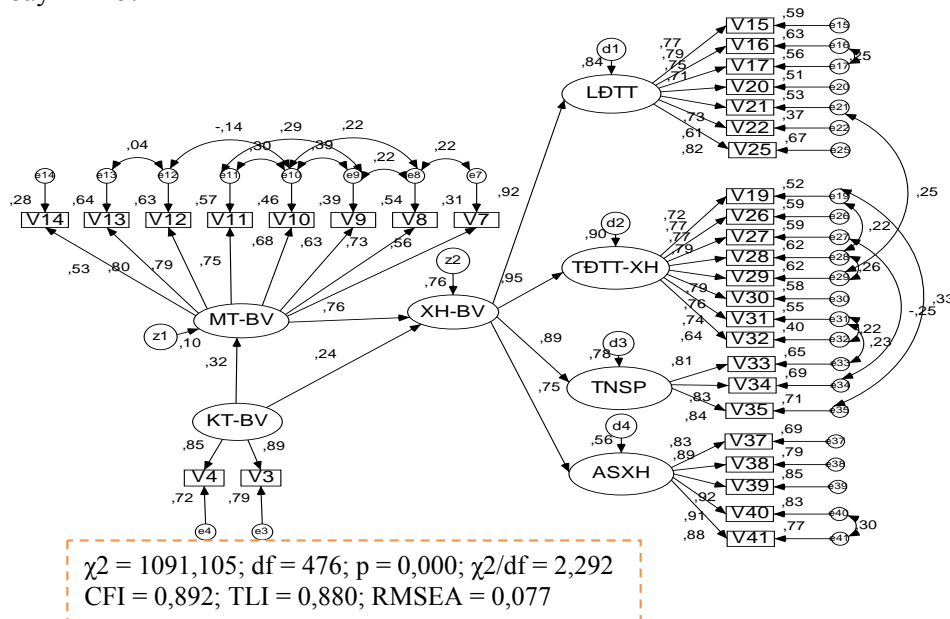
Các chỉ số đánh giá	Mô hình ban đầu	Mô hình hiệu chỉnh
χ^2	1330,540	1143,584
Df	526	509
P	0,000	0,000
χ^2/df	2,530	2,247
CFI	0,863	0,892
TLI	0,853	0,881
RMSEA	0,084	0,075



Hình 4: Kết quả SEM của mô hình hiệu chỉnh phát triển doanh nghiệp bền vững (chuẩn hóa)

4.4 Kiểm định mô hình cạnh tranh

Kết quả phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính của mô hình cạnh tranh được trình bày hình 5.



Hình 5: Kết quả SEM của mô hình cạnh tranh (chuẩn hóa)

Bảng 5: Hệ số xác định R² của các khái niệm phụ thuộc trong mô hình lý thuyết và mô hình cạnh tranh

Khái niệm	Ước lượng hệ số xác định R ²	
	Mô hình lý thuyết	Mô hình cạnh tranh
MT-BV	0,521	0,104
XH-BV	0,843	0,755
ASXH	0,627	0,561
TNSP	0,831	0,784
TĐTT-XH	0,926	0,905
LĐTT	0,877	0,840

Bảng 6: Kết quả kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa các khái niệm trong mô hình cạnh tranh (chuẩn hoá)

Mối quan hệ	Estimate (giá trị ước lượng)
MT-BV <--- KT-BV	0,322
XH-BV <--- MT-BV	0,759
XH-BV <--- KT-BV	0,245
TĐTT-XH <--- XH-BV	0,951
LĐTT <--- XH-BV	0,917
TNSP <--- XH-BV	0,885
ASXH <--- XH-BV	0,749

4.5 Kiểm định ước lượng mô hình lý thuyết bằng bootstrap

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp bootstrap với số lượng mẫu lặp lại N = 500. Kết quả ước lượng từ 500 mẫu được tính trung bình và giá trị này có xu hướng gần đến ước lượng của tổng thể được trình bày từ bảng 6. Chúng ta thấy rằng độ lệch giữa ước lượng ML và ước lượng trung bình bootstrap có độ lệch xuất hiện nhưng không nhiều và lớn. Vì vậy, có thể kết luận rằng các ước lượng mô hình lý thuyết có độ tin cậy được.

Bảng 7: Kết quả ước lượng bằng bootstrap với N = 500

Mối quan hệ	Ước lượng ML	Ước lượng bootstrap (trung bình)			
		Trung bình (Mean)	SE	SE-SE	Bias
MT-BV <--- KT-BV	0,722	0,720	0,052	0,002	-0,002
XH-BV <--- MT-BV	0,918	0,917	0,019	0,001	-0,001
TĐTT-XH <--- XH-BV	0,962	0,962	0,018	0,001	-0,001
LĐTT <--- XH-BV	0,936	0,936	0,020	0,001	0,000
TNSP <--- XH-BV	0,912	0,911	0,022	0,001	-0,001
ASXH <--- XH-BV	0,792	0,793	0,023	0,001	0,001

Ghi chú: SE-SE: sai lệch chuẩn của sai lệch chuẩn, Bias: độ lệch

4.6 Kiểm định giả thuyết

Kết quả kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa ba khái niệm trong mô hình nghiên cứu (chuẩn hóa) trong phân tích cấu trúc tuyến tính SEM cho thấy mối quan hệ giữa xã hội bền vững và môi trường bền vững. Hay nói cách khác, xã hội bền vững tác động cùng chiều vào môi trường bền vững và môi trường bền vững tác động

cùng chiều vào kinh tế bền vững, như hai giả thuyết H1 và H2 sau đây đều được chấp nhận:

H1: Có mối quan hệ cùng chiều giữa kinh tế bền vững với môi trường bền vững.

H2: Có mối quan hệ cùng chiều giữa môi trường bền vững với xã hội bền vững.

Từ kết quả nghiên cứu mô hình lý thuyết được chấp nhận và cũng như tính khoa học “phát triển bền vững doanh nghiệp” nhấn mạnh đến khả năng phát triển doanh nghiệp liên tục, lâu dài, không gây ra những hậu quả tác hại khó khôi phục ở những lĩnh vực khác của xã hội, nhất là ảnh hưởng đến 3 thành phần *xã hội bền vững, kinh tế bền vững và môi trường bền vững*. Phát triển mà làm hủy hoại môi trường là một phát triển không bền vững, phát triển mà chỉ dựa vào những loại tài nguyên có thể bị cạn kiệt là một phát triển không bền vững, phát triển chỉ quan tâm đến lợi ích của doanh nghiệp mà không quan tâm đến ô nhiễm môi trường thì phát triển không bền vững.

5 KẾT LUẬN

Kết quả đánh giá sơ bộ thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA các thang đo khái niệm này đều đạt yêu cầu. Chỉ có kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA kinh tế bền vững loại một biến quan sát V1, và kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA môi trường bền vững loại hai biến quan sát V5, V6 và nhân tố xã hội bền vững loại một biến quan sát V24. Như vậy, tổng số 41 biến quan sát đánh giá sơ bộ thang đo chỉ loại 4 biến không đạt yêu cầu khi sử dụng $n = 220$ mẫu đánh giá.

Do đó, kết quả chính thức thang đo được sử dụng trong nghiên cứu định lượng cho nghiên cứu tiếp theo là 37 biến quan sát:

(1) Nhân tố đo lường kinh tế bền vững: 3 biến quan sát,

(2) Nhân tố đo lường môi trường bền vững: 8 biến quan sát,

(3) Nhân tố đo lường xã hội bền vững: 26 biến quan sát; gồm có năm thành phần nhân tố: Lao động thực tiễn (5 biến quan sát); Quyền con người (7 biến quan sát); Tác động trực tiếp xã hội (5 biến quan sát); Trách nhiệm sản phẩm (4 biến quan sát); An sinh xã hội (5 biến quan sát) được bổ sung vào thành phần nhân tố xã hội bền vững được kiểm định đạt yêu cầu như mô hình lý thuyết đặt ra ban đầu.

Kết quả kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa ba khái niệm trong mô hình nghiên cứu (chuẩn hóa) trong phân tích cấu trúc tuyến tính SEM cho thấy mối quan hệ giữa xã hội bền vững với môi trường bền vững và môi trường bền vững với kinh tế bền vững. Hay nói cách khác, kết quả mô hình lý thuyết nghiên cứu xã hội bền vững đã thông qua nhân tố trung gian môi trường bền vững để tác động cùng chiều vào kinh tế bền vững. Như vậy, khẳng định rằng mô hình lý thuyết phát triển bền vững doanh nghiệp phù hợp với thị trường nghiên cứu tại tỉnh Bạc Liêu.

6 KIẾN NGHỊ

Từ kết quả nghiên cứu xây dựng thang đo cho thấy ban đầu là 41 biến quan sát, sau khi kiểm định thang đo và đo lường khám phá thang đo sẽ loại bỏ bốn biến quan sát, chỉ còn 37 biến quan sát làm cơ sở cho nghiên cứu tiếp theo. Chủ yếu là

ngiên khẳng định lại thang đo khám phá thông qua số lượng kích thước mẫu phải lớn hơn. Do đó, các bước tiếp theo cần tiến hành là đo lường các biến bằng nhân tố khẳng định (CFA) và sử dụng mô hình phù hợp để xem xét mối quan hệ tác động cùng chiều vào ba thành phần. Mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được xem là thích hợp nhất để xác định mô hình lý thuyết. Chúng tôi cho rằng, nếu những nhân tố này thực sự có ý nghĩa trong mô hình, kết quả nghiên cứu sẽ góp phần vào bộ tiêu chí phát triển bền vững doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Khánh Duy (2009), Bài giảng Thực hành mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) với phần mềm Amos, tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh;
- Lê Thế Giới và các cộng sự (2006), Nghiên cứu Marketing, lý thuyết và ứng dụng, NXB Thống kê.
- Lê Thế Giới, (2008), “Hệ thống đánh giá phát triển bền vững các khu công nghiệp Việt Nam”, Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng – số 4(27). 2008.
- Phạm Xuân Nam, 2007, Đổi mới chính sách xã hội: Luận cứ và giải pháp. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
- Phạm Đức Kỳ, Cơ sở lý thuyết của mô hình mạng (SEM), <http://www.mbavn.org/>
- Nguyễn Đình Thọ (2008), Phương pháp nghiên cứu khoa học Marketing, ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Đình Thọ và các cộng sự (2009), Nghiên cứu khoa học trong Quản trị kinh doanh, Đề tài nghiên cứu khoa học “Điều tra đánh giá thực trạng môi trường đầu tư tỉnh Tiền Giang và đề xuất các giải pháp huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển” 2005, NXB Thống kê.
- Nguyễn Đình Thọ (2011), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, NXB Lao động xã hội.
- Hoàng Trọng – Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Hà Nội, NXB Thống kê.
- CRaward 2009 Việt Nam, Phiếu tự đánh giá “Giải thưởng trách nhiệm xã hội doanh nghiệp năm 2009”, <http://vbli.vn/detail.asp?id=55>;
- Lê Minh Tiến (2008), Thời báo kinh tế Sài Gòn, Chính sách phát triển của mọi quốc gia trên thế giới hiện nay đều hướng đến sự phát triển bền vững, Tiêu chí đánh giá doanh nghiệp phát triển bền vững, <http://www.thesaigontimes.vn/Home/doanhnghiep/quantri/3815/>.
- Phạm Ngọc Thúy và Lê Nguyễn Hậu, 2010, “Các tiền tố của định hướng thị trường: Một nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam”, Tạp chí phát triển KH&CN, tập 13, Số Q1 – 2010.
- Wikipedia.org, “Khái niệm Phát triển bền vững”
[Http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1t_tri%E1%BB%83n_b%E1%BB%81n_v%E1%BB%AFng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1t_tri%E1%BB%83n_b%E1%BB%81n_v%E1%BB%AFng),
- Barbara M.Byrne, Structural Equation Modeling with AMOS .17